TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CB** **TỈNH CB**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2023/QĐST- HNGĐ	*CB, ngày 13 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Phạm Sơn T** – Sinh năm 1978

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 04, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Roãn Thị H -** sinh năm 1987

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 04, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông **Phạm Sơn T** – Sinh năm 1978

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 04, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

Bà **Roãn Thị H -** sinh năm 1987

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 04, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Sơn T và bà Roãn Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông Phạm Sơn T và bà Roãn Thị H có 02 con chung là Phạm Minh H1 (giới tính: nam; Sinh ngày 14/11/2010) và Phạm Nhật Q (giới tính: Nam; sinh ngày 30/10/2013).

Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Ông Phạm Sơn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Minh H1 (giới tính: nam; Sinh ngày 14/11/2010) đến khi con chung thành niên. Bà Roãn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Nhật Q (giới tính: Nam; sinh ngày 30/10/2013) đến khi con chung thành niên.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về việc chia tài sản chung, nợ chung:

Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung, không có nợ chung. Hai bên đương sự tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Ông Phạm Sơn T và bà Roãn Thị H mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn.

Ông Phạm Sơn T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm cho bà Roãn Thị H. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông T phải nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng áp phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003423 ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CB. Ông T còn được hoàn lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường HG, TPCB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương